

**TÒA ÁN NH DÂN
HUYỆN DX
TỈNH QU NA**

Bản án số: 37/2025/HS-ST

Ngày: 20-5-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN DX, TỈNH QU NA

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hồng Vân**.

Các Hội thẩm Nh dân: Bà **Lâm Thị Vỹ** và bà **Nguyễn Thị Xuân Hương**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Hồng Hội** - Thư ký Tòa án Nh dân Huyện dx, tỉnh Qu na.

- *Đại diện Viện kiểm sát Nh dân Huyện dx, tỉnh Qu na tham gia phiên tòa:* Bà **Lương Thị Sinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án Nh dân Huyện dx, tỉnh Qu na xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2025/TLST-HS, ngày 01 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

- **Nguyễn Viết T**, sinh năm 1991. Nơi sinh: Duy Xuyên, Quảng Nam. Nơi cư trú: thôn An Thành, xã Duy Trung, Huyện dx, tỉnh Qu na. Nghề nghiệp: không. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 09/12. Con ông Nguyễn Viết Đa (đã chết) và bà Nguyễn Thị Huệ (sinh năm 1963), trú tại: thôn An Thành, xã Duy Trung, Huyện dx, tỉnh Qu na. Bị cáo là con út trong gia đình có 03 anh em, có vợ là Bùi Thị Thu Trang (sinh năm 1996), có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 06/5/2024 đến ngày 15/11/2024 thì được tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

- Bị hại:

1. Ông **Trần Nh**, sinh năm 1980. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Khối phố Long Xuyên 2, thị trấn NP, Huyện dx, tỉnh Qu na.

2. Ông **Trần H**, sinh năm 1998. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Khối phố Xuyên Tây, thị trấn NP, Huyện dx, tỉnh Qu na.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Trương Diệp Th**, sinh năm 1975. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Số 92/3 Nguyễn Thái Học, phường a, thành phố H, tỉnh Qu na.

2. Ông **Nguyễn Viết L**, sinh năm 1987. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 3, xã Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông **Nguyễn Viết T**, sinh năm 1989. *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn Nam Thành, xã Duy Trung, Huyện dx, tỉnh Quagr Nam.

4. Ông **Nguyễn Đức Tân**, sinh năm 1966. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn Trung Đông, xã Duy Trung, Huyện dx, tỉnh Qu na.

5. Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1943. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn Trung Đông, xã Duy Trung, Huyện dx, tỉnh Qu na.

6. Ông **Nguyễn Hữu B**, sinh năm 1963. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn Trung Đông, xã Duy Trung, Huyện dx, tỉnh Qu na.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:**

1. Ông **Võ H**, sinh năm 1972. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn Trung Đông, xã Duy Trung, Huyện dx, tỉnh Qu na.

2. Ông **Nguyễn Văn Qu**, sinh năm 1989. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Khối phố Mỹ Hòa, thị trấn NP, Huyện dx, tỉnh Qu na.

3. Ông **Lê Văn Nh**, sinh năm 1988. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn Hòa Mỹ, xã Quế Xuân 2, huyện Quế Sơn, tỉnh Qu na.

4. Ông **Nguyễn Q**, sinh năm 1975. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Khối phố Mỹ Hòa, thị trấn NP, Huyện dx, tỉnh Qu na.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì muốn có tiền tiêu xài cá Nh, từ đầu năm 2023 đến tháng 4 năm 2023, bị cáo Nguyễn Viết T nhiều lần có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của nhiều người với tổng số tiền là 200.000.000 đồng. Cụ thể:

- Vụ thứ nhất:

Vào khoảng tháng 4 năm 2023, ông Trần Nh có nhu cầu mua đất để ở nên ông Nh liên hệ với Nguyễn Văn Quang là người môi giới đất để mua. Nguyễn Văn Quang liên hệ với Nguyễn Viết T (cũng làm nghề môi giới đất như Quang) hỏi có lô đất nào “bán” không. Tình trả lời “có lô đất ở thôn Trung Đông, Duy Trung, đã đặt cọc và tách thửa xong”, thực chất đây là thửa đất 1265, tờ bản đồ số 4, diện tích 95,4m² thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Thành và bà Nguyễn Thị Bốn do Nguyễn Viết T ký hợp đồng đặt cọc với bà Nguyễn Thị Bốn nhưng để tên bên nhận chuyển nhượng là Nguyễn Viết L (*anh ruột Tình*), còn bị cáo Tình đứng tên người chứng kiến, mục đích để nhận thêm tiền môi giới nhưng do bị cáo Tình không có tiền nhận chuyển nhượng thửa đất 1265 trên của bà Bốn và ông Thành nên hợp đồng đặt cọc giữa bà Bốn và Nguyễn Viết L đã được thanh lý vào ngày 30/3/2023. Sau khi Quang giới thiệu ông Trần Nh đến gặp bị cáo Nguyễn Viết T thì Tình dẫn Quang và Nh đến xem thửa đất 1265 nêu trên. Biết thửa đất 1265, tờ bản đồ số 4, diện tích 95,4m² không phải của mình nhưng vì cần tiền nên ngày 04/5/2023, Tình nói với ông Nh là thửa đất 1265 là của Tình và ký kết hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử

dụng đất trên cho ông Trần Nh với bên “chuyển nhượng” là Nguyễn Viết T, bên “nhận chuyển nhượng” là Trần Nh, nội dung thoả thuận chuyển nhượng là quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1265, tờ bản đồ số 4, diện tích 95,4m², giá chuyển nhượng là 350.000.000 đồng, đặt cọc số tiền là 100.000.000 đồng; thời hạn đặt cọc 20/4/2023 đến ngày 20/6/2023 sẽ tiến hành công chứng để chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông Nh đã giao đủ cho Tình số tiền là 100.000.000 đồng. Đến thời hạn thực hiện công chứng để chuyển nhượng, ngày 20/6/2023, ông Nh liên hệ tình để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1265 trên thì Tình nói “ông chủ chừ không đồng ý bán đất”. Lúc này, ông Nh mới biết thửa đất 1265 trên mà Tình ký hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng cho ông không phải là của bị cáo Tình. Sau nhiều lần hỏi thúc bị cáo Tình trả lại Tiền cho mình thì bị cáo Tình trả cho ông Nh được số tiền là 32.000.000 đồng. Ông Nh tiếp tục liên lạc với bị cáo Tình để yêu cầu Tình trả cho ông Nh số tiền còn lại nhưng bị cáo Tình cắt đứt liên lạc, nhiều lần vào nhà bị cáo Tình nhưng ông Nh không gặp được Tình. Ngày 17/12/2023, ông Nh viết đơn báo cáo hành vi của Tình đến Công an Huyện dx để giải quyết.

- **Vụ thứ 2:** Ngày 18/5/2022, bị cáo Nguyễn Viết T và ông Nguyễn Hữu Bé thoả thuận ký hợp đồng đặt cọc để thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 544, tờ bản đồ số 4, diện tích 1500m² với giá chuyển nhượng là 4 tỷ (bốn tỷ) đồng, số tiền đặt cọc là 500.000.000 đồng, thời hạn đặt cọc 04 tháng mục đích để bán lướt cọc. Cùng lúc đó, Tình được ông Bé uỷ quyền để thực hiện việc “*Lập trích lục bản đồ địa chính; điều chỉnh hình thể, kích thước thửa đất nếu có thay đổi; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Sau đó, khoảng tháng 6 năm 2022, Tình biết và nhờ bà Trương Diệp Th làm thủ tục tách thửa thì bà Th đồng ý. Trong khoảng thời gian thực hiện hợp đồng đặt cọc với ông Nguyễn Hữu Bé, ngày 07/10/2022, Tình có thoả thuận chuyển nhượng một phần diện tích (5x20) m của thửa 544 cho ông Trần H, thời hạn đặt cọc là 04 tháng đến 07/02/2023, có thể gia hạn thêm 02 tháng; Tình đứng tên “bên chuyển nhượng”, H đứng tên “bên nhận chuyển nhượng”, số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng. Ông H đã chuyển đủ số tiền 100.000.000 cho Tình. Đến ngày 09/11/2022, do Tình không đủ tiền để giao đủ số tiền chuyển nhượng như thoả thuận ban đầu với ông Bé, cũng chưa thực hiện được việc tách thửa đối với thửa đất 544 của ông Bé, Tình và ông Bé huỷ hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Tình trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bé và chịu mất số tiền đặt cọc. Đến khoảng tháng 01/2023, mặc dù chưa hết thời hạn ghi trong hợp đồng đặt cọc, ông H biết Tình không phải chủ sử dụng đối với thửa đất đã thoả thuận đặt cọc với bị cáo Tình. Ông H đã hỏi Tình về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên nhưng Tình hứa hẹn với ông H chờ đúng ngày (07/02/2023) sẽ có đất chuyển nhượng cho ông H. Đến ngày 07/02/2023, sau khi hết hạn thời hạn đặt cọc với H, H vài lần hỏi Tình đã làm được “sổ” chưa tức là hỏi tách thửa xong chưa. Tình cũng hứa hẹn với ông H sẽ có đất để chuyển nhượng cho ông H nhưng thực chất thì đến thời điểm đó, Tình vẫn chưa thực hiện thủ tục tách thửa đối với thửa đất 544 của ông Nguyễn Hữu Bé. Đến ngày 07/4/2023, ông H tiếp tục liên hệ Tình để thực hiện thủ

tục chuyển nhượng thì Tình thừa nhận không có đất để giao cho ông H. Sau đó, ông H nhiều lần yêu cầu Tình trả lại số tiền 100.000.000 đồng nhưng Tình không trả, liên lạc Tình không nghe máy, ông H hẹn gặp mặt cũng không gặp được Tình. Ngày 24/02/2024, ông H viết đơn báo cáo hành vi của Tình đến Công an Huyện dx để giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Viết T thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, thống nhất về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong thiệt hại cho các bị hại, bị cáo hiện bị bệnh hiểm nghèo đang điều trị, một mình nuôi con nhỏ nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại hồ sơ thể hiện, bị hại là ông Trần Nh và Trần H đã được gia đình bị cáo bồi thường xong về dân sự và có đơn đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Viết T.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 20 tháng 03 năm 2025 của Viện kiểm sát Nh dân Huyện dx đã truy tố bị cáo Nguyễn Viết T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Viết T từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Bị cáo nói lời sau cùng thể hiện sự ăn năn hối cải và xin hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] **Về tố tụng:** Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện dx, Điều tra viên, Viện kiểm sát Nh dân Huyện dx, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo cơ bản phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản tạm giữ đồ vật, các công

văn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng tháng 10 năm 2022 đến tháng 4 năm 2023, bị cáo Nguyễn Viết T đã đưa ra thông tin gian dối, tự mạo nhận mình là chủ đất để chuyển nhượng đất đai không thuộc quyền sở hữu của mình cho ông Trần Nh và ông Trần H. Hành vi gian dối của bị cáo Nguyễn Viết T thể hiện rõ ở chỗ:

Vụ thứ 1: Mặc dầu giao dịch về việc mua bán đất giữa bị cáo và vợ chồng ông Thành, bà Bốn (*đại diện là anh Tâ- con ruột của bà Bốn, ông Thành*) đã chấm dứt từ ngày 30/3/2023, cả hai không có bất kỳ gia hạn hay thỏa thuận nào khác, thửa đất 1265, tờ bản đồ số 04, diện tích 94,5 m² (*thửa đất được tách ra từ thửa 1094*) vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình ông Tâ; bản thân bị cáo Tình không phải là chủ đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1265 và không được gia đình của ông Tâ ủy quyền để nhận cọc bán đất; nhưng đến tháng 4 năm 2023, bị cáo Tình đã đưa ra thông tin gian dối với anh Trần Nh: cụ thể Tình nói với anh Nh thửa đất số 1265, tờ bản đồ số 04 nêu trên là của mình và đồng ý bán cho anh Nh giá 350.000.000 đồng, làm anh Nh tưởng thật nên vào ngày 4/5/2023, bị cáo và anh Nh đã xác lập hợp đồng đặt cọc mua đất đối với thửa đất nêu trên và anh Nh đã giao cho Tình số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/6/2023 thì ra công chứng sẽ chồng đủ 250.000.000 đồng để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Vụ thứ hai: Đối với thửa đất 544, tờ bản đồ 04 với diện tích 1500 m² được xác định chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Hữu Bé. Ngày 18/5/2022, bị cáo Tình ký kết hợp đồng đặt cọc để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên với ông Bé với số tiền cọc là 400.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng đặt cọc thì bị cáo giao toàn bộ giấy tờ đất đai của ông Bé cho bà Th để nhờ làm thủ tục tách thửa nhưng đến ngày 07/10/2022, bị cáo biết bà Th vẫn chưa mang hồ sơ đến bộ phận một cửa làm thủ tục xin tách thửa đất nhưng do bản thân bị thua lỗ trong việc mua bán đất đai, không có tiền để bù vào các khoản thua lỗ trước đó, nên khi bị cáo Tình nghe Phú giới thiệu anh Trần H có nhu cầu mua đất thì bị cáo Tình đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của H. Lúc này, bị cáo Tình chưa thực hiện được thủ tục chuyển nhượng sang tên đồng thời không được ông Bé ký giấy ủy quyền để nhận cọc chuyển nhượng đất cho người khác nhưng để tạo lòng tin cho ông H, tin bị cáo có sẵn đất để bán mà đưa ra thông tin gian dối thửa đất 544 là của mình để ông H tin tưởng và hai bên viết giấy đặt cọc ngày 07/10/2022 thỏa thuận chuyển nhượng một phần diện tích (5 x 20) m của thửa 544, thời hạn đặt cọc là 4 tháng đến ngày 7/02/2023; có thể gia hạn thêm 02 tháng, số tiền đặt cọc mà ông H giao cho bị cáo là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, do bị cáo Tình không đủ tiền để chuyển nhượng như thỏa thuận với ông Bé và cũng chưa thực hiện được việc tách thửa đất 544, bị cáo Tình và ông Bé đã hủy hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 09/11/2022. Bị cáo đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bé và chịu mất toàn bộ số tiền đã đặt cọc. Khi ông H yêu cầu bị cáo ra công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng đặt cọc thì bị cáo Tình vẫn nói ông H là đang làm sổ và hứa hẹn nhiều lần.

Mặc dầu lúc này, thửa đất của ông Bé không còn liên quan đến bị cáo Tỉnh nhưng Tỉnh vẫn không trả lại tiền đặt cọc cho ông H cho đến khi bị khởi tố bắt tạm giam.

Tại công văn số 03/CNVPĐK ngày 04/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Duy Xuyên đã xác định thửa đất số 1265, tờ bản đồ số 4, địa chỉ thôn Trung Đông, xã Duy Trung, Huyện dx, tỉnh Qu na từ năm 2021 đến năm 2022 thuộc quyền đăng ký, sử dụng của ông Nguyễn Đức Thành và bà Nguyễn Thị Bốn.

Tại công văn số 53/CNVPĐK ngày 11/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Duy Xuyên xác định thửa đất số 544, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Thôn Trung Đông, xã Duy Trung, Huyện dx, tỉnh Qu na thuộc hộ ông Nguyễn Hữu Bé. Từ năm 2022 đến nay, không có cá Nh, tổ chức nào liên hệ với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Duy Xuyên để đăng ký lập trích lục bản đồ địa chính; điều chỉnh, thay đổi hình thể (*tách thửa*).

Như vậy, khi bị cáo Nguyễn Viết T làm hợp đồng đặt cọc mua bán đất với ông Nh, ông H theo các Giấy đặt cọc thì tại thời điểm này bị cáo Nguyễn Viết T không có quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất để chuyển nhượng. Tội phạm đã hoàn thành kể từ thời điểm bị cáo Nguyễn Viết T đưa ra thông tin gian dối để 02 người bị hại tin tưởng đồng ý nhận chuyển nhượng đất và giao tiền đặt cọc cho bị cáo rồi bị cáo chiếm đoạt, không trả lại cho đến khi đã bị khởi tố vụ án và bị cáo cũng không có đất để chuyển nhượng như đã thỏa thuận với ông Nh, ông H. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của hai bị hại H và Nh là 200.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát Nh dân Huyện dx truy tố bị cáo với tội danh, khung hình phạt nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét T chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo:

Tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, không ai được xâm phạm trái pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng đã dùng thủ đoạn gian dối tạo dựng lòng tin ở người khác để nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây hoang mang trong quần chúng Nh dân. Vì vậy cần xử lý nghiêm trọng xứng hành vi của bị cáo đã gây ra để đảm bảo T giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[2.3] Xét về Nh thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thì thấy:

- Về Nh thân, tình tiết tăng nặng: Bị cáo có Nh thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo hai lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 2 lần trở lên” tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; gia đình có công với cách mạng cụ thể: có ông ngoại Lê Bẹ là liệt sĩ.

Hiện nay, bị cáo bị mắc bệnh hiểm nghèo: Xơ gan (K74.6). Bản thân bị cáo tham gia nhiều hoạt động thiện nguyện được chính quyền địa phương công nhận; hiện nay, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo bỏ đi để lại bị cáo một mình nuôi con nhỏ và đang chăm sóc mẹ già. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên thấy rằng đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Nh và anh Trần H đã được đại diện gia đình bị cáo là anh Nguyễn Viết T bồi thường mỗi người số tiền 100.000.000 đồng. Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Những vấn đề có liên quan trong vụ án:

Đối với ông Nguyễn Văn Quang - người môi giới, người làm chứng trong hợp đồng đặt cọc giữa Nguyễn Viết T và ông Trần Nh và Nguyễn Q cùng với Lê Văn Nha - người môi giới, người làm chứng trong hợp đồng đặt cọc giữa Nguyễn Viết T và ông Trần H, ông Quang, Phú và ông Nha không biết việc Nguyễn Viết T thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét trách nhiệm pháp lý đối với Quang, Phú và Nha.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Viết T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ **Tuyên bố:** Bị cáo **Nguyễn Viết T** phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2/ **Về hình phạt:** Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết T 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù T từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giam từ 06/5/2024 đến ngày 15/11/2024 vào trong thời gian chấp hành hình phạt.

3/ **Về án phí hình sự sơ thẩm:** Buộc bị cáo Nguyễn Viết T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 20/5/2025). Bị hại, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Qu na;
- VKSND tỉnh Qu na;
- VKSND Huyện dx;
- Cơ quan CSĐT Công an Huyện dx;
- Chi cục THADS Huyện dx;
- Sở tư pháp tỉnh Qu na;
- Bị cáo; bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hồng Vân